

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phí và lệ phí; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí. 2. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến quản lý nhà nước về phí và lệ phí được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ thì áp dụng quy định tại các Nghị định đó để xử phạt.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí. 2. Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bao gồm: a) Hành vi vi phạm quy định về tổ chức thu phí, lệ phí là hành vi vi phạm quy định tại Điều 7 Luật Phí và lệ phí; b) Hành vi tự đặt và thu các loại phí, lệ phí là hành vi vi phạm quy định về hành vi nghiêm cấm tại điểm a khoản 1 Điều 16; hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của người nộp phí, lệ phí là hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Phí và lệ phí; c) Hành vi vi phạm quy định về đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí là hành vi vi phạm quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí; d) Hành vi vi phạm quy định về kê khai phí, lệ phí là hành vi vi phạm quy định về kê khai phí, lệ phí tại Điều 11 Luật Phí và lệ phí; đ) Hành vi vi phạm quy định về nộp phí, lệ phí là hành vi vi phạm quy định về nộp phí, lệ phí tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Luật Phí và lệ phí;	a) Việc bổ sung “thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính” vào phạm vi điều chỉnh (Điều 1) của dự thảo Nghị định quy định XPVPHC trong lĩnh vực phí và lệ phí (dự thảo Nghị định) là cần thiết nhằm đảm bảo đồng bộ, khả thi, hiệu quả trong thực hiện. Cụ thể: - Tại khoản 1 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025 (sau đây gọi chung là Luật XLVPHC) và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính là một trình tự thủ tục độc lập, tách biệt với thẩm quyền xử phạt (quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP). Theo đó, việc lập biên bản là bước đầu tiên để ghi nhận vi phạm, làm cơ sở cho quyết định xử phạt sau này. - Tại Điều 41 Nghị định 109 đã quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính (nội dung này được kế thừa tại dự thảo Nghị định) nhưng không được đề cập trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định 109. Vì vậy, để đảm bảo bao quát, thống nhất, cụ thể hóa Điều 58 Luật

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>e) Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng phí là hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng phí tại Điều 12 Luật Phí và lệ phí;</i> <i>g) Hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí là hành vi vi phạm quy định tại Điều 14 Luật Phí và lệ phí, trừ hành vi vi phạm liên quan đến thực hiện chế độ kế toán quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Phí và lệ phí thì áp dụng theo quy định tại Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.</i> 3. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến quản lý nhà nước về phí và lệ phí được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ thì áp dụng quy định tại các Nghị định đó để xử phạt.	XLVPHC, đảm bảo quy định rõ ràng ngay từ phạm vi áp dụng của dự thảo Nghị định, không chỉ dừng ở “xử phạt” mà còn bao quát toàn bộ quy trình xử lý vi phạm, từ phát hiện đến thi hành; tuân thủ nguyên tắc “thống nhất, đồng bộ”; tại dự thảo Nghị định đã bổ sung “thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính” vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định (Điều 1). b) Bổ sung nội dung xác định rõ phạm vi XPVPHC gắn với quy định tại từng điều khoản của Luật phí và lệ phí. Tại khoản 2 điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định rõ các hành vi vi phạm hành chính gắn với các quy định tại Luật Phí và lệ phí, nhằm đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong thực hiện. Ngoài ra, dự thảo Nghị định cũng bổ sung quy định đối với hành vi vi phạm trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí liên quan đến chế độ kế toán. Theo đó hành vi vi phạm tránh nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí liên quan đến chế độ kế toán (vi phạm khoản 3 Điều 14 Luật Phí và lệ phí) thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định XPVPHC trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, đảm bảo không phát sinh vướng

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			mắc khi thực hiện.
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau đây: 1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn. 2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này. 3. Các đối tượng khác có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau đây: 1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí, <i>bao gồm cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm hành chính về phí và lệ phí mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.</i> 2. <i>Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính</i> và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí. 3. Các cơ quan, tổ chức, cá khác có liên quan.	Việc bổ sung “người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính” vào đối tượng áp dụng (Điều 2) nhằm bảo đảm thống nhất với việc bổ sung “thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính” vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định (Điều 1) và thống nhất với nội dung quy định tại Điều 14 (Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính) và Điều 15 dự thảo Nghị định.
3	Điều 3. Hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng 1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn bao gồm: a) Phạt cảnh cáo, áp dụng đối với hành vi vi phạm không gây hậu quả nghiêm trọng hoặc hành vi vi phạm lần đầu; b) Phạt tiền, mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá là 150.000.000 đồng; trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí, hóa đơn là	Điều 3. Hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả 1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phí, lệ phí bao gồm: <i>Hình thức xử phạt chính</i> a) Phạt cảnh cáo, áp dụng đối với hành vi vi phạm không gây hậu quả nghiêm trọng hoặc hành vi vi phạm lần đầu; b) Phạt tiền, mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí là 50.000.000 đồng và <i>đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực phí, lệ</i>	- Dự thảo Nghị định sửa đổi tên Điều 3 nhằm bảo đảm tên Điều luật phù hợp, thể hiện rõ và bao quát nội dung. - Dự thảo Nghị định bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “ <i>buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí và lệ phí</i> ” nhằm: + Phù hợp với quy định về biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 1 Điều 28 Luật XPVPHC ¹ ; mở rộng phạm vi khắc phục hậu quả so với Nghị định 109, buộc đối tượng vi phạm phải thực

¹ Tại khoản 1 Điều 28 Luật XPVPHC quy định: “1. Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;... k) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định”.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	50.000.000 đồng; đ) Buộc nộp vào Quỹ bình ổn giá số tiền do trích lập, sử dụng, hạch toán và kết chuyển không đúng Quỹ bình ổn giá; nộp ngân sách nhà nước số tiền có được do hành vi vi phạm; trả lại khách hàng số tiền chênh lệch do bán cao hơn mức giá quy định và mọi chi phí phát sinh do hành vi vi phạm gây ra; dừng thực hiện mức giá bán hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân quy định; buộc thực hiện kê khai hoặc đăng ký đối với mức giá đang áp dụng theo quy định; tiêu hủy hoặc tịch thu tiêu hủy ấn phẩm có nội dung thông tin sai phạm; hủy kết quả thẩm định giá tại chứng thư thẩm định giá; báo cáo cho Bộ Tài chính nội dung về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; thu hồi và không công nhận các chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; hoàn trả chi phí đào tạo, bồi dưỡng cho các học viên tham gia học; hoàn trả tiền phí, lệ phí cho người nộp; hủy các hóa đơn; thực hiện thủ tục phát hành hóa đơn theo quy định. 2. Hình thức xử phạt quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này được áp dụng là hình thức xử phạt chính. 3. Hình thức xử phạt quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này được áp dụng là hình thức xử phạt bổ sung. 2. 4. Các biện pháp quy định tại Điểm d khoản 1 Điều này được áp dụng là Biện pháp khắc phục hậu quả a) Buộc nộp ngân sách nhà nước số tiền phí, lệ phí có được do hành vi vi phạm các quy định về phí và lệ phí; bao gồm tiền chậm nộp phí, lệ phí theo quy định của Luật Quản lý thuế; b) Hoàn trả tiền phí, lệ phí cho người nộp phí, lệ phí, bao gồm tiền chậm nộp phí, lệ phí; c) Buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.	phí là 100.000.000 đồng. 2. Hình thức xử phạt quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được áp dụng là hình thức xử phạt chính. 3. Hình thức xử phạt quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này được áp dụng là hình thức xử phạt bổ sung. 2. 4. Các biện pháp quy định tại Điểm d khoản 1 Điều này được áp dụng là Biện pháp khắc phục hậu quả a) Buộc nộp ngân sách nhà nước số tiền phí, lệ phí có được do hành vi vi phạm các quy định về phí và lệ phí; bao gồm tiền chậm nộp phí, lệ phí theo quy định của Luật Quản lý thuế; b) Hoàn trả tiền phí, lệ phí cho người nộp phí, lệ phí, bao gồm tiền chậm nộp phí, lệ phí; c) Buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.	hiện nghĩa vụ hành chính khác theo Luật Phí và lệ phí, văn bản liên quan; + Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, biện pháp khắc phục hậu quả không chỉ giới hạn ở khía cạnh tài chính mà còn bao gồm biện pháp buộc thực hiện trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí để khôi phục trật tự pháp luật phí, lệ phí (tại Điều 14 Luật Phí và lệ phí). + Khắc phục khoảng trống pháp lý: Nghị định 109 chỉ quy định khắc phục hậu quả dưới dạng tài chính (buộc nộp ngân sách hoặc hoàn trả), phù hợp với các vi phạm trực tiếp liên quan đến tiền như thu sai mức (Điều 25) hoặc gian lận nộp (Điều 24). Tuy nhiên, lĩnh vực phí và lệ phí còn tồn tại nhiều vi phạm hành chính không chỉ gây thiệt hại tài chính mà còn ảnh hưởng đến trật tự quản lý nhà nước, như không đăng ký kê khai (Điều 22), không công khai chế độ thu (Điều 23) (các hành vi vi phạm này được kế thừa tại dự thảo Nghị định). Biện pháp cũ chưa toàn diện, dẫn đến chưa bảo đảm răn đe. Việc bổ sung biện pháp mới sẽ lấp khoảng trống, buộc đối tượng vi phạm “thực hiện trách nhiệm” cụ thể

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	hình thức xử phạt bổ sung. 4. Các biện pháp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này được áp dụng là biện pháp khắc phục hậu quả.		nếu: bổ sung kê khai, công khai lại thông tin theo Luật Phí và lệ phí. + Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức thu phí, lệ phí. + Bảo đảm công bằng, nghiêm minh; phù hợp quy định về biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 1 Điều 28 Luật XPVPHC. - Dự thảo Nghị định sắp xếp các nội dung thành 2 khoản quy định về: Hình thức xử phạt chính và Biện pháp khắc phục hậu quả; bảo đảm đúng quy định, thống nhất, rõ ràng.
4	Điều 3. Hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng 5. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. a) Mức phạt tiền quy định từ Điều 5 đến Điều 17, Điều 20, từ Điều 22 đến Điều 32 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. b) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm từ Điều 33 đến Điều 40 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với tổ chức. c) Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm khác được quy định trong từng điều, khoản cụ thể tại Nghị định này. 6. Khi phạt tiền đối với các hành vi vi phạm	Điều 4. Điều 3. Hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng Quy định về mức phạt tiền 5. 1. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. a) Mức phạt tiền quy định tại Điều 6 và Điều 12 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với tổ chức; b) Mức phạt tiền quy định từ Điều 5 đến Điều 17, Điều 20, từ Điều 22 7 đến Điều 32 11 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. b) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm từ Điều 33 đến Điều 40 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với tổ chức. c) Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm khác	- Việc sửa đổi tên Điều nhằm bảo đảm bao quát, phù hợp nội dung quy định. - Điều 4 dự thảo Nghị định kế thừa quy định tại Điều 3 Nghị định 109 và chỉnh lý để phù hợp nội dung dự thảo Nghị định.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	quy định về giá, phí, lệ phí, hóa đơn, mức phạt cụ thể đối với một hành vi không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng mức tối đa. Trường hợp có một tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì áp dụng mức trung bình tăng thêm hoặc mức trung bình giảm bớt. Mức trung bình tăng thêm được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối đa và mức trung bình. Mức trung bình giảm bớt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu và mức trung bình. Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng thì áp dụng mức tối đa của khung phạt tiền. Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp vừa có tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ thì bù trừ theo nguyên tắc một tình tiết tăng nặng trừ cho một tình tiết giảm nhẹ.	được quy định trong từng điều, khoản cụ thể tại Nghị định này. 6. 2. Khi phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy định về phí, lệ phí, mức phạt cụ thể đối với một hành vi không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng mức tối đa. a) Trường hợp có một tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì áp dụng mức trung bình tăng thêm hoặc mức trung bình giảm bớt. Mức trung bình tăng thêm được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối đa và mức trung bình. Mức trung bình giảm bớt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu và mức trung bình. b) Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng thì áp dụng mức tối đa của khung phạt tiền. Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt. c) Trường hợp vừa có tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ thì bù trừ theo nguyên tắc một tình tiết tăng nặng trừ cho một tình tiết giảm nhẹ. 3. Trường hợp một người nộp phí, lệ phí thực hiện hành vi vi phạm nhiều lần, vi phạm nhiều nội dung trong cùng một tờ khai phí, lệ phí mà những hành vi vi phạm này được phát hiện, thể hiện trong cùng một lần lập Biên bản vi phạm hành chính thì chỉ bị xử phạt về một hành vi vi	

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>phạm nhưng áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính.</i>	
5	Điều 4. Thời hiệu xử phạt 1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí là 02 năm.	Điều 5. Thời hiệu xử phạt 1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí là 02 năm. 2. Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. 3. Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm. 4. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì được kéo dài thêm 01 năm. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.	- Kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định 109, dự thảo Nghị định quy định thời hiệu XPVPHC trong lĩnh vực phí, lệ phí là 02 năm - Về thời điểm tính thời hiệu Tại khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC: “b) Thời điểm để tính thời hiệu XPVPHC quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định như sau: Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm; c) Trường hợp XPVPHC đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu XPVPHC”. Để bảo đảm quy định rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện; tại dự thảo

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			Nghị định hoàn thiện quy định về thời điểm tính thời hiệu xử phạt phù hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC.
6		<i>Điều 6. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức thu phí, lệ phí</i> <i>1. Phạt cảnh cáo trong trường hợp vi phạm lần đầu đối với hành vi thực hiện thu phí, lệ phí khi chưa có quy định là tổ chức thu phí, lệ phí.</i> <i>2. Phạt tiền đối với vi phạm từ lần thứ hai trở đi đối với hành vi thực hiện thu phí, lệ phí khi chưa có quy định là tổ chức thu phí, lệ phí.</i> <i>a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà số tiền thu được có giá trị dưới 10.000.000 đồng;</i> <i>b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà số tiền thu được có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;</i> <i>c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà số tiền thu được có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;</i> <i>d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà số tiền thu được có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</i> <i>đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà số tiền thu được có giá trị từ 100.000.000 đồng đến</i>	- Về hành vi vi phạm quy định về tổ chức thu phí, lệ phí + Tại Điều 7 Luật Phí và lệ phí quy định: “Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật này”. + Tại điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Phí và lệ phí quy định: “1. Các hành vi nghiêm cấm bao gồm: ... b) Thu khoản thu phí, lệ phí trái với quy định của pháp luật”. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức thu phí, lệ phí (Điều 6 dự thảo Nghị định) là vi phạm quy định tại Điều 7 và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Phí và lệ phí. <u>Đây là hành vi vi phạm về điều kiện chủ thể thu phí, lệ phí; thu phí, lệ phí khi chưa được quy định là cơ quan thu phí, lệ phí (vi phạm quy</u>

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>dưới 300.000.000 đồng;</i> <i>e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà số tiền thu được có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.</i> 3. Biện pháp khắc phục hậu quả Buộc hoàn trả toàn bộ tiền phí, lệ phí do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cho người nộp phí, lệ phí. Trường hợp không xác định được người nộp phí, lệ phí để hoàn trả thì nộp toàn bộ số tiền phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước.	định về tổ chức thu phí, lệ phí). - Quy định này nhằm: + Bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật phí, lệ phí; bảo đảm minh bạch, hợp pháp và tránh lạm thu. + Lấp đầy khoảng trống pháp lý, khắc phục hạn chế của Nghị định 109: Nghị định 109 chưa quy định xử phạt hành vi thu phí khi chưa được quy định là tổ chức thu phí, tạo khoảng trống pháp lý dẫn đến không đồng bộ với Luật Phí và lệ phí; Việc bổ sung quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định góp phần hạn chế hành vi tự ý thu phí khi chưa được quy định là tổ chức thu phí, lệ phí; góp phần bảo đảm thực hiện nghiêm quy định tại Điều 7 Luật Phí và lệ phí. - Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước: Việc bổ sung quy định này bảo đảm bao quát hành vi vi phạm quy định tại Điều 7 Luật Phí và lệ phí, bảo đảm các tổ chức thu phí, lệ phí phải thực hiện đúng quy định pháp luật về tổ chức thu phí, lệ phí. - Góp phần tăng tính rắn đẽ, phòng ngừa và bảo vệ lợi ích của tổ chức và

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			cá nhân liên quan. - Về mức xử phạt quy định tương tự như hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí đã quy định tại Nghị định 109 (Điều 27). - Về biện pháp khắc phục hậu quả: Nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp phí, lệ phí; đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định.
7	Điều 25. Hành vi vi phạm quy định về mức phí, lệ phí 1. Đối với hành vi thu phí, lệ phí không đúng mức phí, lệ phí theo quy định của pháp luật: a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm đến dưới 10.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 7.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;	Điều 25 7. Hành vi tự đặt và thu các loại phí, lệ phí, vi phạm quy định về mức thu phí, lệ phí trách nhiệm của người nộp phí, lệ phí 1. Đối với <i>Phạt tiền đối với</i> hành vi thu phí, lệ phí không đúng mức phí, lệ phí theo quy định của pháp luật tự đặt và thu các loại phí, lệ phí, vi phạm quy định về mức thu phí, lệ phí a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm đến dưới 10.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 7.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 50.000.000 đồng đến dưới	(i) Đối với hành vi thu các loại phí, lệ phí chưa có quy định thu theo quy định pháp luật - Tại điểm a khoản 1 Điều 16 Luật Phí và lệ phí quy định: “1. Các hành vi nghiêm cấm bao gồm: a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, cá nhân tự đặt và thu các loại phí, lệ phí”. - Hành vi thu các loại phí, lệ phí chưa có quy định thu theo quy định pháp luật (Điều 7 dự thảo Nghị định) là vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Luật Phí và lệ phí. Đây là hành vi vi phạm về khoản thu phí, lệ phí (thu các khoản phí, lệ phí khi các khoản này chưa được pháp luật quy định).

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 300.000.000 đồng trở lên. 2. Hình thức xử phạt bổ sung Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động liên quan đến hành vi vi phạm. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày Quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả Buộc hoàn trả toàn bộ tiền phí, lệ phí do thực hiện sai pháp luật về phí, lệ phí cho người nộp phí, lệ phí. Trong trường hợp không xác định được người nộp phí, lệ phí để hoàn trả thì nộp toàn bộ số tiền này vào ngân sách nhà nước.	100.000.000 đồng; đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền vi phạm từ 300.000.000 đồng trở lên. 2. Hình thức xử phạt bổ sung Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động liên quan đến hành vi vi phạm. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày Quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. 3. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả a) Buộc nộp ngân sách nhà nước số tiền phí, lệ phí do vi phạm quy định về trách nhiệm của người nộp phí, lệ phí; b) Buộc hoàn trả toàn bộ tiền phí, lệ phí sai pháp luật về phí, lệ phí thu được do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này cho người nộp phí, lệ phí. Trong trường hợp không xác định được người nộp phí, lệ phí để hoàn trả thì nộp toàn bộ số tiền này vào ngân sách nhà nước. c) Buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.	- Việc bổ sung quy định XPVPHC đối với “hành vi thu các loại phí, lệ phí chưa có quy định thu phí, lệ phí theo quy định pháp luật” nhằm: + Đảm bảo đồng bộ và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành (với Luật Phí và lệ phí). + Đảm bảo lấp đầy khoảng trống pháp lý, khắc phục hạn chế của Nghị định 109: Nghị định 109 chưa quy định hành vi thu phí chưa có quy định thu phí. Điều này tạo khoảng trống, khiến một số vi phạm không bị xử phạt hoặc xử phạt không tương xứng; + Đáp ứng yêu cầu thực tiễn thi hành và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực phí và lệ phí; + Tăng tính răn đe, phòng ngừa. (ii) Đối với hành vi vi phạm quy định về mức thu phí, lệ phí - Tại khoản 1 Điều 15 Luật Phí và lệ phí quy định: Quyền, trách nhiệm của người nộp phí, lệ phí là “Nộp đúng, đủ, kịp thời phí, lệ phí theo quy định của pháp luật”. - Hành vi vi phạm quy định về mức thu phí, lệ phí (Điều 7 dự thảo Nghị định) là vi phạm khoản 1 Điều 15 Luật

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			Phí và lệ phí. - Quy định XPVPHC đối với hành vi này được kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định 109, bảo đảm tính ổn định, phù hợp. - Mức xử phạt được kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định 109. (iii) Về biện pháp khắc phục hậu quả Để bảo đảm công bằng, bảo đảm người nộp phí, lệ phí thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp phí và lệ phí; tại điểm b khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định đã bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.
8	Điều 26. Hành vi vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí 1. Phạt tiền đối với hành vi khai man, khai không hồ sơ để được áp dụng quy định miễn, giảm phí, lệ phí. Mức phạt là 20% tính trên số tiền được miễn, giảm. Mức phạt tối thiểu là 500.000 đồng, mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng. 2. Đối với hành vi khai man, khai không hồ sơ để được hưởng chênh lệch từ việc thực hiện chính sách miễn, giảm phí, lệ phí: a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch đến dưới 10.000.000	Điều 26 8. Hành vi vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí 1. Phạt tiền đối với hành vi khai sai để được miễn, giảm phí, lệ phí khai man, khai không hồ sơ để được áp dụng quy định miễn, giảm phí, lệ phí. Mức phạt là 20% tính trên số tiền được miễn, giảm. Mức phạt tối thiểu là 500.000 đồng, mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng. 2. Đối với hành vi khai man, khai không hồ sơ để được hưởng chênh lệch từ việc thực hiện chính sách miễn, giảm phí, lệ phí Phạt tiền đối với hành vi miễn, giảm phí, lệ phí không đúng quy định a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh	- Tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí quy định: “Điều 10. Miễn, giảm phí, lệ phí 1. Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. 2. Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm án phí và lệ phí tòa án.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	đồng; b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với vi phạm có số tiền chênh lệch từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với vi phạm có số tiền chênh lệch từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 300.000.000 đồng trở lên. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.	lệch đến dưới 10.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với vi phạm có số tiền chênh lệch từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với vi phạm có số tiền chênh lệch từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 300.000.000 đồng trở lên. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. a) Buộc nộp ngân sách nhà nước số tiền phí, lệ phí có được do hành vi vi phạm do vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí. b) Hoàn trả tiền phí, lệ phí cho người nộp phí, lệ phí do vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí.	3. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”. - Hành vi vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí (Điều 8 dự thảo Nghị định) là vi phạm quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí. Việc quy định rõ XPVPHC đối với hành vi “không miễn, giảm đúng đối tượng” phù hợp với quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí. Đồng thời, bao quát các hành vi vi phạm có thể xảy ra trong quá trình thực hiện các quy định về phí và lệ phí. Qua đó: - Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; - Góp phần hạn chế khoảng trống pháp lý, khắc phục hạn chế của Nghị định 109; - Đáp ứng yêu cầu thực tiễn thi hành, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực phí và lệ phí; - Tăng cường tính răn đe, phòng ngừa, bảo vệ lợi ích của nhà nước.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
9	Điều 22. Hành vi vi phạm quy định đăng ký, kê khai phí, lệ phí 1. Phạt cảnh cáo trong trường hợp vi phạm lần đầu đối với hành vi đăng ký, kê khai chậm thời hạn theo quy định pháp luật phí, lệ phí. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp vi phạm từ lần thứ hai trở đi đối với hành vi đăng ký, kê khai chậm thời hạn theo quy định pháp luật phí, lệ phí. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi khai không đúng, khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai thu, nộp phí, lệ phí hay trong tài liệu kế toán để cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký, kê khai thu, nộp phí, lệ phí với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.	Điều 22 9. Hành vi vi phạm quy định đăng ký, về kê khai phí, lệ phí 1. Phạt cảnh cáo trong trường hợp: a) Vi phạm lần đầu đối với hành vi đăng ký, kê khai chậm thời hạn theo quy định pháp luật phí, lệ phí. b) Vi phạm lần đầu khai sai, khai không đúng tờ khai phí, lệ phí dẫn đến thiếu số phí phải nộp nhưng đối tượng vi phạm đã có ghi chép đầy đủ trên hệ thống sổ sách kế toán, hoặc đối tượng vi phạm đã khai bổ sung, nộp đủ số tiền phí, lệ phí thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt; c) Vi phạm lần đầu kê khai sai, kê khai không đầy đủ nhưng không dẫn đến thiếu số tiền phí, lệ phí phải nộp. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp vi phạm từ lần thứ hai trở đi đối với hành vi đăng ký, vi phạm tại khoản 1 Điều này. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi khai không đúng, khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai thu, nộp phí, lệ phí hay trong tài liệu kế toán để cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký, kê khai thu, nộp phí, lệ phí với cơ quan quản lý nhà nước theo quy	- Tại Điều 11 Luật Phí và lệ phí quy định: “Điều 11. Kê khai, nộp phí, lệ phí 1. Phí, lệ phí theo quy định tại Luật này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, không chịu thuế. 2. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. 3. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí cho cơ quan thu hoặc Kho bạc nhà nước bằng các hình thức: nộp trực tiếp bằng tiền mặt hoặc thông qua tổ chức tín dụng, tổ chức dịch vụ và hình thức khác theo quy định của pháp luật. 4. Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ. Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”. - Hành vi vi phạm quy định về kê khai phí, lệ phí (Điều 9 dự thảo Nghị định) là vi phạm nghĩa vụ kê khai, nộp phí, lệ phí quy định tại Điều 11 Luật Phí và

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		định.	lệ phí. - Tại Điều 11 Luật Phí và lệ phí không quy định việc “đăng ký” phí và lệ phí. Vì vậy, tại Điều 9 dự thảo Nghị định đã không quy định XPVPHC đối với hành vi vi phạm quy định đăng ký phí, lệ phí. - Về hình thức xử phạt cảnh cáo: Dự thảo Nghị định đã bổ sung trường hợp áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với “khai không đúng tờ khai phí, lệ phí dẫn đến thiếu số phí phải nộp nhưng đối tượng vi phạm đã có ghi chép đầy đủ trên hệ thống sổ sách kế toán, hoặc đối tượng vi phạm đã khai bổ sung, nộp đủ số tiền phí, lệ phí thiếu vào NSNN trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt”. Qua đó, vừa bảo đảm tính răn đe vừa khuyến khích người nộp phí, lệ phí chủ động khắc phục thiếu sót trong việc thực hiện nộp phí, lệ phí.
10	Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về nộp phí, lệ phí 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không thực hiện đúng thông báo nộp tiền phí, lệ phí của cơ quan có thẩm quyền. 2. Phạt tiền từ 1 đến 3 lần số tiền phí, lệ phí	Điều 24 10. Hành vi vi phạm quy định về nộp phí, lệ phí 1. Phạt cảnh cáo <i>trong trường hợp vi phạm lần đầu</i> đối với hành vi không thực hiện đúng <i>nghĩa vụ nộp phí, lệ phí</i> theo thông báo nộp tiền phí, lệ phí của cơ quan có thẩm quyền.	- Tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 13 Luật Phí và lệ phí quy định về nộp phí, lệ phí như sau: “Điều 12. Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	gian lận, trốn nộp đối với hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định. Mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả Buộc người vi phạm nộp đủ số phí, lệ phí gian lận, trốn nộp.	2. Phạt tiền từ 1 đến 3 lần số tiền phí, lệ phí gian lận, trốn nộp đối với hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định (<i>trừ hành vi quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này</i>). Mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc người vi phạm nộp <i>ngân sách nhà nước</i> đủ số tiền phí, lệ phí gian lận, trốn nộp <i>do vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này</i>.	1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước... Điều 13. Thu, nộp lệ phí 1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước....” - Hành vi vi phạm quy định về nộp phí, lệ phí (Điều 10 dự thảo Nghị định) là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 13 Luật Phí và lệ phí. - Dự thảo Nghị định đã xác định hình thức xử phạt phù hợp với tính chất của hành vi vi phạm. Cụ thể: Phạt cảnh cáo được áp dụng đối với trường hợp

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			chậm nộp lần đầu. Đồng thời, chỉ XPVPHC đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ nộp phí, lệ phí. - Dự thảo Nghị định đã phân định rõ phạm vi áp dụng của Điều 9, Điều 10 dự thảo Nghị định
11	Điều 27. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước đối với trường hợp được giao, ủy quyền thu phí, lệ phí 1. Đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật: a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định pháp luật có giá trị dưới 10.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định của pháp luật có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định của pháp luật có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định của pháp luật có giá	Điều 27 11. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước đối với trường hợp được giao, ủy quyền thu phí, lệ phí) 1. Phạt tiền đối với hành vi <i>quản lý</i>, sử dụng tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật: a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với hành vi <i>quản lý</i>, sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định pháp luật có giá trị dưới 10.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với hành vi <i>quản lý</i>, sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định của pháp luật có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi <i>quản lý</i>, sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định của pháp luật có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi <i>quản lý</i>, sử dụng tiền phí, lệ phí quy định của pháp luật có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới	- Tai khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phí và lệ phí quy định về quản lý và sử dụng phí như sau: “2. Số tiền phí được khấu trừ và được để lại quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng như sau: a) Số tiền phí được để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng loại phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mức để lại cho tổ chức thu phí; b) Số tiền phí để lại được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; hàng năm phải quyết toán thu, chi. Số tiền phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định. 3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định của pháp luật có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.	30.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định của pháp luật có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí sai quy định có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này. Buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.	cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước; việc quản lý và sử dụng phí thu được theo quy định của pháp luật”. - Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng phí (Điều 11 dự thảo Nghị định) là vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị định này. - Dự thảo Nghị định đã kết thừa quy định tại Nghị định 109 và chỉnh lý để phù hợp với quy định hiện hành về phí và lệ phí.
12	Điều 23. Hành vi vi phạm quy định công khai chế độ thu phí, lệ phí Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi sau đây: 1. Không công khai chế độ thu phí, lệ phí theo quy định; 2. Niêm yết hoặc thông báo không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho người nộp phí, lệ phí. Điều 28. Hành vi vi phạm quy định về in chứng từ thu phí, lệ phí 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến dưới 4.000.000 đồng đối với hành vi nhận in, tự in	Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí 1. Phạt cảnh cáo trong trường hợp vi phạm lần đầu đối với hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí. 2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi thực hiện hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.	- Tại Luật Phí và lệ phí quy định: “Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí 1. Niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên Trang thông tin điện tử của tổ chức thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí, lệ phí. 2. Lập và cấp chứng từ thu cho người nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. 3. Thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	chứng từ không đúng quy định của pháp luật. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi nhận in, tự in chứng từ trùng ký hiệu, trùng số. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. Điều 29. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chứng từ nhưng không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này. Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí 1. Đối với hành vi lập chứng từ không ghi rõ các chỉ tiêu quy định trong chứng từ, trừ các chỉ tiêu xác định số tiền phí, lệ phí: a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu; b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ lần thứ hai trở đi.		phí, lệ phí; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật. 4. Hạch toán riêng từng loại phí, lệ phí. 5. Báo cáo tình hình thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí”. - Hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí (Điều 12 dự thảo Nghị định) là vi phạm quy định tại Điều 14 Luật Phí và lệ phí. - Tại Nghị định 109 đã quy định XPVPHC đối với một số hành vi thuộc trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí (Điều 23. Hành vi vi phạm quy định công khai chế độ thu phí, lệ phí; Điều 28. Hành vi vi phạm quy định về in chứng từ thu phí, lệ phí; Điều 29. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí; Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí; Điều 32. Hành vi làm mất, cho, bán chứng từ thu phí, lệ phí). Để thống nhất với quy định tại Luật Phí và lệ phí; bao quát đầy đủ các hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí; tại dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lập chứng từ khi thu phí, lệ phí, trừ trường hợp thu phí, lệ phí theo quy định không phải lập chứng từ. 3. Phạt tiền đối với hành vi lập chứng từ có số tiền ghi trong chứng từ chênh lệch giữa các liên của mỗi số chứng từ như sau: a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch dưới 1.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch từ 1.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch từ 10.000.000 đồng trở lên. 4. Phạt tiền đối với hành vi lập chứng từ không như sau: a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị dưới 2.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến dưới 4.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có		phạm hành chính đối với “hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí” thay cho các quy định XPVPHC đối với các hành vi riêng lẻ liên quan đến trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí đã quy định tại Nghị định 109 (Điều 23. Hành vi vi phạm quy định công khai chế độ thu phí, lệ phí; Điều 28. Hành vi vi phạm quy định về in chứng từ thu phí, lệ phí; Điều 29. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí; Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí; Điều 31. Hành vi vi phạm quy định về quản lý chứng từ thu phí, lệ phí; Điều 32. Hành vi làm mất, cho, bán chứng từ thu phí, lệ phí). Việc quy định này góp phần bảo đảm: - Đồng bộ và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; - Khắc phục hạn chế, bỏ lọt hành vi vi phạm của Nghị định 109, lấp đầy khoảng trống pháp lý; - Đáp ứng yêu cầu thực tiễn thi hành và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực phí và lệ phí; - Tăng cường tính răn đe, phòng ngừa và bảo vệ quyền lợi các bên liên quan.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	giá trị từ 2.000.000 đến dưới 5.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến dưới 8.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên. 5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng cho mỗi số chứng từ đối với hành vi sử dụng chứng từ đã hết giá trị sử dụng. 6. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến dưới 4.000.000 đồng cho mỗi số chứng từ đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa nội dung các chỉ tiêu của chứng từ đã sử dụng. 7. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng cho mỗi số chứng từ đối với hành vi sử dụng chứng từ giả. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.		- Về mức phạt tiền: Theo quy định tại Nghị định 109 thì mức phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí từ 100.000 đồng đến 10 triệu đồng². Tuy nhiên, hiện mức phạt tiền tối thiểu 100.000 đồng không bảo đảm tính răn đe. Để phù hợp với đề kiện kinh tế xã hội hiện nay, tại dự thảo Nghị định quy định mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí từ 300.000 đồng đến 10 triệu đồng (bằng mức phạt theo quy định tại Nghị định 109). - Về biện pháp khắc phục hậu quả: Nhằm mở rộng phạm vi khắc phục hậu quả so với Nghị định 109, buộc đối tượng vi phạm phải thực hiện các nghĩa vụ hành chính khác theo Luật Phí và lệ phí và các văn bản liên quan;

² Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí

...3. Phạt tiền đối với hành vi lập chứng từ có số tiền ghi trong chứng từ chênh lệch giữa các liên của mỗi số chứng từ như sau:

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới **10.000.000 đồng** đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch từ 10.000.000 đồng trở lên.

Điều 32. Hành vi làm mất, cho, bán chứng từ thu phí, lệ phí

...2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi làm mất các liên của mỗi số chứng từ không có mệnh giá, trừ liên giao cho người nộp tiền của chứng từ chưa sử dụng, áp dụng trong trường hợp vi phạm từ lần thứ hai trở đi.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	Điều 31. Hành vi vi phạm quy định về quản lý chứng từ thu phí, lệ phí 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi thực hiện báo cáo sử dụng, thanh toán, quyết toán sử dụng chứng từ chậm; lưu trữ, bảo quản chứng từ không đúng quy định; áp dụng trong trường hợp vi phạm lần đầu. 2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thực hiện báo cáo sử dụng, thanh toán, quyết toán sử dụng chứng từ chậm; lưu trữ, bảo quản chứng từ không đúng quy định; áp dụng trong trường hợp vi phạm từ lần thứ hai trở đi. 3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo sử dụng, thanh toán, quyết toán sử dụng chứng từ. 4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi nhận chứng từ không đúng quy định cho mỗi số chứng từ sử dụng. Mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng. Điều 32. Hành vi làm mất, cho, bán chứng từ thu phí, lệ phí 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi làm mất liên của mỗi số chứng từ không có mệnh giá, trừ liên giao cho người nộp tiền của chứng từ chưa sử dụng, áp dụng trong trường hợp vi phạm lần đầu. 2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000		nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức thu phí, lệ phí; bảo đảm công bằng, nghiêm minh; tại dự thảo Nghị định đã bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	đồng đối với hành vi làm mất các liên của mỗi sổ chứng từ không có mệnh giá, trừ liên giao cho người nộp tiền của chứng từ chưa sử dụng, áp dụng trong trường hợp vi phạm từ lần thứ hai trở đi. 3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi làm mất liên giao cho người nộp tiền của mỗi sổ chứng từ không có mệnh giá chưa sử dụng; 4. Đối với hành vi làm mất mỗi sổ của chứng từ thu phí, lệ phí có mệnh giá thì mức phạt tiền tối đa bằng mệnh giá in trên chứng từ thu phí, lệ phí. Số tiền phạt tối thiểu đối với hành vi làm chứng từ thu phí, lệ phí có mệnh giá là 50.000 đồng. 5. Trường hợp cho, bán chứng từ phát hiện đã sử dụng: a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng đối với mỗi sổ chứng từ có số tiền ghi trong chứng từ dưới 2.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến dưới 4.000.000 đồng đối với mỗi sổ chứng từ có số tiền ghi trong chứng từ từ 2.000.000 đến dưới 5.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến dưới 8.000.000 đồng đối với mỗi sổ chứng từ có số tiền ghi trong chứng từ từ 5.000.000 đồng trở lên.		

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	6. Trường hợp cho, bán chứng từ chưa sử dụng thì xử phạt theo mức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và Khoản 6 Điều này.		
13	Điều 41. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính 1. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại Điều này có quyền lập biên bản hành chính về những vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản. 2. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính: a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ. b) Công chức khi đang thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý giá, quản lý thị trường, phí, lệ phí, hóa đơn.	Điều 13. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính 1. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại Điều này có quyền lập biên bản hành chính về những vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản. 2. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính: a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ. b) Công chức, khi đang thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực phí, lệ phí. viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính về phí và lệ phí trong lĩnh vực do mình quản lý.	- Tại khoản 1 Điều 58 Luật XLVPHC quy định: “1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, ...” - Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định: “4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức và người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang thi hành công vụ, nhiệm vụ; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản. Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các nghị định quy định về xử

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước”. Để phù hợp với quy định nêu trên, bảo đảm tính hiệu quả, kịp thời trong XPVPHC; tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định thẩm quyền XPVPHC đối với: “<i>viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính về phí và lệ phí trong lĩnh vực do mình quản lý</i>”.
14	Điều 43. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng. c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 25 Nghị định này. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 25, Khoản 3 Điều 26, Khoản 2 Điều 27, Khoản 3 Điều 28, Khoản 2 Điều 29, Khoản 8 Điều 30 và	Điều 43 14. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 13 Nghị định này, phát sinh trên địa bàn. a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng; 25.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 25 Nghị định này khoản 2 Điều 3 Nghị định này. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định	Phù hợp với quy định về thẩm quyền, mức XPVPHC tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật XLVPHC về thẩm quyền XPVPHC. Cụ thể: Điều 5. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng. c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 25, Khoản 3 Điều 26, Khoản 2 Điều 27, Khoản 3 Điều 28, Khoản 2 Điều 29, Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 4. Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng. 5. Đội trưởng Đội Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng. 6. Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 7. Cục trưởng Cục Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25;	tại Điểm b Khoản 2 Điều 25, Khoản 3 Điều 26, Khoản 2 Điều 27, Khoản 3 Điều 28, Khoản 2 Điều 29, Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 3. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: <i>xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này, phát sinh trên địa bàn.</i> a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng <i>đối với cá nhân; đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 25, Khoản 3 Điều 26, Khoản 2 Điều 27, Khoản 3 Điều 28, Khoản 2 Điều 29, Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. <i>khoản 2 Điều 3 Nghị định này.</i> <i>3. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 12 Nghị định này.</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> <i>c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.</i> <i>4. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ</i>	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Điều 6. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 8. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 9. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 25. 10. Chánh Thanh tra sở và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 11. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ và các chức danh tương đương được Chính	<i>thành lập xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 13 Nghị định này thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý:</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> <i>c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.</i> <i>5. Trường hợp trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thành lập là Cục trưởng Cục thuộc bộ.</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> <i>c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.</i> <i>6. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> <i>c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.</i>	quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác 3. Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp; ... Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí; ... Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 4. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thuộc lĩnh vực do mình quản lý thì có quyền xử phạt theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính.	4. 7. Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền: <i>xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 12 Nghị định này.</i> a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng. <i>5.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức.</i> 5. Đội trưởng Đội Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng. 6-8. Chi cục trưởng Chi cục Thuế <i>Trưởng Thuế cơ sở có quyền: xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 12 Nghị định này.</i> a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng <i>đối với cá nhân; đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. <i>khoản 2 Điều 3 Nghị định này.</i> 7 9. Cục trưởng Cục Thuế Chi cục trưởng Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn; Chi cục trưởng Chi cục Thuế thương mại điện tử; Trưởng Thuế tỉnh, thành phố xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 12 Nghị định	ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều này. (Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật XLVPHC thì mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phí và lệ phí đối với cá nhân đến 50 triệu đồng. Theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP thì: “3. Cục trưởng Cục Bỏ trợ tư pháp; ... Cục trưởng Cục QLGCST; ... trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC; ... 4. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này . Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng,

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>này.</i> a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng 40.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. khoản 2 Điều 3 Nghị định này. 8-10. Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thuế có quyền: xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 12 Nghị định. a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. khoản 2 Điều 3 Nghị định này. 11. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này. a) Phạt cảnh cáo;	Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều này”. Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Cục trưởng Cục QLGCST là trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ thành lập thì việc xác định mức phạt tiền tối đa sẽ xảy ra 02 trường hợp: + Áp dụng khoản 3 Điều 6 Nghị định 189/2025/NĐ-CP thì mức phạt tiền tối đa là 50 triệu đồng. + Áp dụng khoản 4 Điều 6 Nghị định 189/2025/NĐ-CP thì mức phạt tiền tối đa là 40 triệu đồng. Để bảo đảm rõ ràng, thống nhất trong cách hiểu và thực hiện; tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định: “Trường hợp trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ thành lập là Cục trưởng Cục QLGCST thì mức phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng”). Điều 7. Thẩm quyền của Thanh tra 1. Thanh tra viên các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với cá nhân; đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức.</i> <i>12. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phức tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này.</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức.</i> <i>13. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này.</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức.</i> <i>14. Cục trưởng Cục Hải quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này.</i>	Thanh tra viên Ban Cơ yếu Chính phủ, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; ... 2. Trưởng đoàn thanh tra của các cơ quan: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước khu vực, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ; Trưởng đoàn thanh tra cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức.</i> 9 15. Thanh tra viên người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra viên Ban Cơ yếu Chính phủ, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền: <i>xử phạt xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.</i> a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng; 5.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 25 khoản 2 Điều 3 Nghị định này. <i>16. Trưởng đoàn thanh tra của các cơ quan: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước khu vực, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an</i>	phạm hành chính; 4. Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; ... Điều 11. Thẩm quyền của Hải quan ... Đối với hành vi vi phạm hành chính khác, thẩm quyền xử phạt của Hải quan được quy định như sau: 1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC; ... 2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phức tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>cấp tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ xử phạt xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 13 Nghị định này thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân; đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> <i>c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.</i> 10. Chánh Thanh tra sở và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. 11. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành 17. Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền: xử phạt xử phạt đối với các hành vi	Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC; ... 3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC;... 4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC;... Điều 13. Thẩm quyền của cơ quan Thuế Thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thuế đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn; trốn thuế;

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 8 và từ Điều 10 đến Điều 12 Nghị định này thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.</i> a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng <i>đối với cá nhân; đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;</i> c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 25; Khoản 3 Điều 26; Khoản 2 Điều 27; Khoản 3 Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 8 Điều 30 và Khoản 6 Điều 32 Nghị định này. khoản 2 Điều 3 Nghị định này. 18. Ngoài những người có thẩm quyền <i>lập biên bản vi phạm hành chính</i>, xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này, những người có thẩm quyền <i>lập biên bản vi phạm hành chính</i>, xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác theo quy định của <i>pháp</i> luật xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thuộc lĩnh vực do mình quản lý thì có quyền <i>lập biên bản vi phạm hành chính</i>, xử phạt <i>vi phạm hành chính</i> theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính. <i>Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.</i> <i>Ngoài quy định nêu trên, việc phân định thẩm</i>	vi phạm của ngân hàng thương mại trong việc không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với số tiền thuế nợ phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế. Đối với hành vi vi phạm hành chính khác, thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thuế được quy định như sau: 1. Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này. 2. Trưởng Thuế cơ sở có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>quyền xử phạt vi phạm hành chính còn thực hiện theo nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.</i>	định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế; Trưởng Thuế tỉnh, thành phố có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 4. Cục trưởng Cục Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			lĩnh vực thuế quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. - Tại Điều 52 Luật XLVPHC đã quy định nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền XPVPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả³.

³ Điều 52. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một chức danh là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Trong trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong khu vực nội thành của thành phố thuộc các lĩnh vực quy định tại [khoản 1 Điều 23 của Luật này](#), thì các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố quy định.

2. Thẩm quyền phạt tiền quy định tại khoản 1 Điều này được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các [điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều 37a của Luật này](#) có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.

Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
			- Theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Luật XLVPHC thì mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực phí và lệ phí đối với cá nhân là 50.000.000 đồng; đối với tổ chức là 100.000.000 đồng. - Tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định phải quy định rõ thẩm quyền xử phạt của các lực lượng đối với từng điều khoản cụ thể. Căn cứ quy định nêu trên, dự thảo Nghị định đã hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và khả thi.
15		Điều 15. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. 2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành: a) Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá,	

- b) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;
- c) Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH

STT	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
		<i>phí, lệ phí, hóa đơn;</i> <i>b) Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.</i>	
16		Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp <i>1. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về phí, lệ phí thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng hành vi vi phạm đó kết thúc kể từ khi Nghị định này có hiệu lực hoặc kết thúc sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm đó.</i> <i>2. Đối với các hành vi vi phạm hành chính về phí, lệ phí đã bị xử phạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.</i>	
17		Điều 17. Trách nhiệm thi hành <i>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.</i>	